

Số: 1683/QĐ-SYT

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh
đối với Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt Nha khoa Thu Hương
thuộc Công ty TNHH Nha khoa Thu Hương**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y
tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh; Thông
tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục
kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh
Bắc Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh
Bắc Ninh;*

*Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 04/8/2026 của Đoàn thẩm định theo
Quyết định số 1608/QĐ-SYT ngày 31/7/2026 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc
Ninh, Báo cáo khắc phục tồn tại sau thẩm định của Phòng khám chuyên khoa
Răng Hàm Mặt Nha khoa Thu Hương;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phê duyệt
phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành
nghề đối với Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt Nha khoa Thu Hương
thuộc Công ty TNHH Nha khoa Thu Hương, cụ thể như sau:

- Số giấy phép hoạt động: 1214/BN-GPHĐ do Sở Y tế Bắc Ninh cấp ngày
10/8/2026.

- Hình thức tổ chức: Phòng khám chuyên khoa.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên:
Mã số doanh nghiệp: 2401069820, Công ty TNHH Nha khoa Thu Hương; đăng
ký lần đầu ngày 16/4/2026 do Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp. Chủ sở hữu:
Nguyễn Anh Tú.



- Địa chỉ hoạt động: SH5 (SHOPHOUSE), Tầng 1 Chung cư AQUAPARK, số 55 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

- Thời gian làm việc: Từ 09h00 đến 19h00 các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần.

- Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 27336.

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Bác sĩ Trần Thu Hương, chứng chỉ hành nghề số 032845/HNO-CCHN do Sở Y tế TP Hà Nội cấp ngày 08/6/2021; Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mất.

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Được phép thực hiện **88** danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (theo Phụ lục 01 đính kèm).

- Danh sách đăng ký hành nghề: 02 người hành nghề (theo Phụ lục 02 đính kèm).

Điều 2. Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mất Nha khoa Thu Hương thuộc Công ty TNHH Nha khoa Thu Hương có trách nhiệm tổ chức, triển khai đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được phê duyệt, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định Bộ Y tế, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và các quy định pháp luật khác liên quan trong quá trình hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trưởng các Phòng, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mất Nha khoa Thu Hương thuộc Công ty TNHH Nha khoa Thu Hương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- UBND phường Bắc Giang;
- Các phòng thuộc Sở;
- Công TTĐT Sở Y tế (để đăng tải);
- Bộ phận Một cửa Sở Y tế;
- Lưu: VT, QLHN.



Nguyễn Thị Thu Hương

PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI
PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT NHÀ KHOA THU
HƯƠNG THUỘC CÔNG TY TNHH NHÀ KHOA THU HƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 1214/QĐ-SYT ngày 10/8/2026 của Sở Y tế Bắc Ninh)

TT	TT theo TT23 (Cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1.	14352	16.37	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
2.	14353	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
3.	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
4.	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
5.	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
6.	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Chích áp xe lợi
7.	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
8.	14365	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
9.	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
10.	14369	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
11.	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
12.	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
13.	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng Răng vĩnh viễn
14.	14374	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
15.	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại

16.	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
17.	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
18.	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
19.	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
20.	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
21.	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
22.	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
23.	14391	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
24.	14393	16.80	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống bằng laser
25.	14394	16.81	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng nội tủy
26.	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc
27.	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
28.	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
29.	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
30.	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
31.	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
32.	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
33.	14449	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
34.	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
35.	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
36.	14452	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
37.	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
38.	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp

39.	14455	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
40.	14456	16.143	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi
41.	14457	16.144	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
42.	14459	16.146	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
43.	14460	16.147	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
44.	14461	16.148	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix
45.	14472	16.159	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
46.	14474	16.161	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
47.	14475	16.162	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)
48.	14477	16.164	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
49.	14481	16.168	16. RĂNG HÀM MẶT	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định
50.	14483	16.170	16. RĂNG HÀM MẶT	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
51.	14486	16.173	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng
52.	14490	16.177	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
53.	14491	16.178	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
54.	14493	16.180	16. RĂNG HÀM MẶT	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp
55.	14494	16.181	16. RĂNG HÀM MẶT	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
56.	14496	16.183	16. RĂNG HÀM MẶT	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
57.	14497	16.184	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
58.	14498	16.185	16. RĂNG HÀM MẶT	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
59.	14499	16.186	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
60.	14502	16.189	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi
61.	14503	16.190	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi

62.	14504	16.191	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay
63.	14505	16.192	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng
64.	14506	16.193	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn band
65.	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
66.	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
67.	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
68.	14519	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
69.	14526	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
70.	14527	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
71.	14528	16.215	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi di động để làm hàm giả
72.	14533	16.220	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
73.	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
74.	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
75.	14538	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với nhựa Sealant
76.	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
77.	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement
78.	14541	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
79.	14543	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
80.	14544	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
81.	14546	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
82.	14547	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
83.	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
84.	14549	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
85.	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
86.	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
87.	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
88.	14553	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)

Tổng: 88 kỹ thuật.

PHỤ LỤC 2

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT
NHA KHOA THU HƯƠNG THUỘC CÔNG TY TNHH NHA KHOA THU HƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 1214/QĐ-SYT ngày 10/8/2026 của Sở Y tế Bắc Ninh)

TT	Họ tên	Số CCHN, GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KBCB khác (nếu có)
1.	Trần Thu Hương	032845/HNO- CCHN do Sở Y tế TP Hà Nội cấp ngày 08/6/2021	KBCB chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Từ 09h00 đến 19h00 các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật	Không
2.	Trịnh Thị Dinh	006615/BN- CCHN do Sở Y tế Bắc Ninh cấp ngày 08/12/2023	Điều dưỡng	Từ 09h00 đến 19h00 các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Phụ giúp bác sĩ	Không

